TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30 /2021/DS-ST
Ngày: 23/4/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ***Bà Vũ Kim Liên***
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Lâm Văn Vô**
Bà Trần Thị Tuyết

-*Thư ký phiên toà*: Bà **Hoàng Thị Cẩm Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Nhung** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số : 288/2019/DSST ngày 05 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXX-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-DS ngày 01/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Tuyết L, sinh năm 1973
Trụ sở: 2A111 Ấp 2, xã PVH, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đăng Q, sinh năm 1993- Có mặt
Địa chỉ liên hệ: 91 NQ, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Phan Thị Tuyết M, sinh năm 1987- Vắng mặt

Thường trú: 187AL1 C/c PHC, Phường D (Phường 15 cũ), Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Viên Hon L- Vắng mặt
Địa chỉ: 174 PHC, Phường D (Phường 15 cũ), Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết L ngày 14/8/2019 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/5/2019 bà Phạm Thị Tuyết L có cho bà Phan Thị Tuyết M vay số tiền là 700.000.000 đồng(bảy trăm triệu đồng) và bà M đã nhận đủ số tiền nêu trên theo Hợp đồng vay tiền ngày 29/5/2019 và Biên bản giao nhận tiền ngày 29/5/2019. Thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất 1%/tháng và bên B(bà M) sẽ giao cho bên A(bà L) vào ngày 5-10 dương lịch hàng tháng. Bên B có nghĩa vụ trả lãi suất cho bên A đúng thời hạn nêu trên. Nếu vi phạm trả lãi hàng tháng thì bên B phải trả tiền gốc một lần trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả lãi.

Tuy nhiên, kể từ khi đến hạn trả lãi ngày 5-10 dương lịch hàng tháng đến nay bà Phạm Thị Tuyết L đã thông báo và nhiều lần liên hệ bà Phan Thị Tuyết M yêu cầu trả lãi suất theo đúng thỏa thuận của hợp đồng vay tiền nhưng bà M chỉ hứa hẹn và trốn tránh, không trả tiền cho bà L.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên buộc bị đơn là bà Phan Thị Tuyết M trả cho bà Phạm Thị Tuyết L số tiền nợ gốc là 700.000.000đồng và số tiền lãi tạm tính từ ngày 29 tháng 5 năm 2019 cho đến ngày 06 tháng 4 năm 2020 là 1%/1 tháng x 10 tháng 7 ngày x 700.000.000đồng = 71.633.000đồng. Tổng cộng số tiền là 771.633.000đồng. Yêu cầu bà Phan Thị Tuyết M trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Phan Thị Tuyết M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Viên Hon L(chồng của bà M) đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng không đến tòa làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết L ủy quyền cho ông Nguyễn Đăng Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Phan Thị Tuyết M phải có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền còn nợ là 859.366.666 đồng, gồm nợ gốc là 700.000.000 đ, nợ lãi tính đến ngày xét xử là 159.366.666đồng(lãi trong hạn là 42.000.000đồng, lãi quá hạn từ ngày 29/11/2019 đến ngày 23/4/2021(16 tháng 23 ngày) là 117.366.666 đồng)

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận 5 phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 29/5/2019 và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa có căn cứ xác định bà M có nợ bà L số tiền tổng cộng 859.366.666 đồng.

Do đó, căn cứ điều 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc « Tranh chấp hợp đồng vay tài tài sản ». Bị đơn bà Phan Thị Tuyết M cư trú tại Quận 5, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5 theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Phan Thị Tuyết M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Viên Hon L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà M, ông L vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân

sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Phan Thị Tuyết M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Viên Hon L.

*Về nội dung:

[3] Về yêu cầu đương sự: Theo Hợp đồng vay tiền ngày 29/5/2019 có nội dung: Bên A(bà Phạm Thị Tuyết L) đồng ý cho bên B(bà Phan Thị Tuyết M) vay số tiền 700.000.000 đồng, với lãi suất 1%/tháng và bên B sẽ giao cho bên A vào ngày 5-10 dương lịch hàng tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Bên B có nghĩa vụ trả lãi suất cho bên A đúng thời hạn nêu trên. Nếu vi phạm trả lãi hàng tháng thì bên B phải trả tiền gốc một lần trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả lãi.

[4] Theo Biên bản giao nhận tiền ngày 29/5/2019 có nội dung bà Phan Thị Tuyết M cam kết đã nhận đủ số tiền là 700.000.000 đồng.

[5] Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 29/5/2019, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và thỏa thuận lãi theo quy định tại điều 463, điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Từ khi nhận tiền bà M không thanh toán khoản tiền gốc. Trong quá trình giao dịch hợp đồng vay bà L chỉ giao dịch với bà M và giao tiền trực tiếp với bà M. Do đó, nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết L yêu cầu bị đơn bà Phan Thị Tuyết M, trả số tiền vay là 700.000.000 đồng là có căn cứ, nên chấp nhận.

[6] Về lãi suất: Theo hợp đồng hai bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, từ khi ký hợp đồng vay, nhận tiền bà M không thanh toán bất kỳ khoản tiền lãi nào cho nguyên đơn. Kể từ ngày 29/11/2019 hết kỳ hạn bên vay (bà M) vẫn chưa trả tiền cho nguyên đơn. Cụ thể từ ngày 29/5/2019 đến ngày 23/4/2021 là 22 tháng 23 ngày, số tiền lãi là 159.366.666 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 1%/ tháng (lãi trong hạn, lãi quá hạn) cho đến ngày xét xử số tiền là 159.366.666đồng (lãi trong hạn là 42.000.000đồng, lãi quá hạn từ ngày 29/11/2019 đến ngày 23/4/2021(16 tháng 23 ngày) là 117.366.666 đồng), yêu cầu của nguyên đơn tính lãi suất 1%/ tháng cho đến ngày xét xử phù hợp với quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nên chấp nhận.

Tổng cộng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 859.366.666 đồng.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, để làm rõ khoản nợ nêu trên Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Phan Thị Tuyết M đến tòa để trình bày ý kiến và cung cấp chứng cứ nhưng bà M vẫn vắng mặt xem như đã từ bỏ quyền cung cấp chứng cứ, quyền tự bảo vệ lợi ích của mình tại tòa.

[7] Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 5, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Phan Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.780.999 đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463 ; Điều 466 ; Điều 470 ; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết L.

Buộc bà Phan Thị Tuyết M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị Tuyết L số tiền là 859.366.666 đồng(tám trăm năm mươi chín triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), gồm tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng(bảy trăm triệu đồng), nợ lãi là 159.366.666đồng(một trăm năm mươi chín triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), theo Hợp đồng vay tiền ngày 29/5/2019.

Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày bà Phạm Thị Tuyết L có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong, nếu bà Phan Thị Tuyết M chậm thanh toán khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.780.999đồng(ba mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi ngàn chín trăm chín mươi chín đồng).

Hoàn lại cho bà Phạm Thị Tuyết L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.280.000đ (mười sáu triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AG/2018/0035447 ngày 05/9/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND Q5;
- Chi cục THADSQ5;
- Lưu VP, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Kim Liên